

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÃ SỐ THUẾ: 0310745210

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		477.726.014.990	722.882.531.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.578.375.079	248.273.167.947
1. Tiền	111		57.747.624.126	28.195.963.093
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.830.750.953	220.077.204.854
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.585.705.619	127.509.168.380
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.957.748.143	11.957.748.143
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(7.371.101.600)	(7.545.377.433)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	45.999.059.076	123.096.797.670
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.669.368.163	179.160.711.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	115.218.547.457	154.326.235.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.881.724.867	6.706.619.310
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.229.381.564	17.107.607.008
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.757.459.826)	(12.076.924.844)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	13.097.174.101	13.097.174.101
IV. Hàng tồn kho	140		205.548.458.301	152.659.054.602
1. Hàng tồn kho	141	V.8	213.652.193.115	169.092.210.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.103.734.814)	(16.433.156.154)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.344.107.828	15.280.429.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	823.317.812	254.764.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.508.457.386	5.468.553.068
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	12.332.630	9.557.111.895
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.973.200.188.094	1.145.541.996.986
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.063.262.463	1.038.753.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.063.262.463	1.038.753.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.731.743.205	125.982.234.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	91.016.758.788	96.796.198.605
- Nguyên giá	222		313.796.351.551	318.764.137.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.779.592.763)	(221.967.938.965)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	29.714.984.417	29.186.036.333
- Nguyên giá	228		34.016.493.125	32.408.515.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.301.508.708)	(3.222.479.179)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		562.536.567.608	1.603.403.921
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	562.536.567.608	1.603.403.921
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.280.507.790.513	1.007.438.520.953
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	1.145.720.466.989	877.524.626.345
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	138.356.750.401	138.356.750.401
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(6.468.946.877)	(11.162.855.793)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.899.520.000	2.720.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.360.824.305	9.479.083.574
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.641.850.511	2.044.587.401
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	6.718.973.794	7.434.496.173
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.450.926.203.084	1.868.424.528.240

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		571.879.692.952	284.798.152.896
I. Nợ ngắn hạn	310		555.479.263.952	276.697.749.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	23.466.372.890	20.109.560.975
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	22.176.093.233	12.784.379.903
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18.342.832.859	15.415.045.412
4. Phải trả người lao động	314	V.17	15.481.880.745	21.239.612.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	36.113.458.862	29.801.507.415
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	863.826.152	827.168.668
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	9.941.584.758	77.911.527.330
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	426.556.715.000	97.532.165.687
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.536.499.453	1.076.782.031
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		16.400.429.000	8.100.403.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	16.400.429.000	8.100.403.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.879.046.510.132	1.583.626.375.344
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.879.046.510.132	1.583.626.375.344
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23	195.308.236	195.308.236
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(95.950.000)	(50.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.23	(4.915.463.760)	(4.915.463.760)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	13.022.505.423	11.259.910.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	514.410.449.545	218.900.357.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		212.256.044.786	218.900.357.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		302.154.404.759	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	106.429.660.688	108.236.762.040
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.450.926.203.084	1.868.424.528.240

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

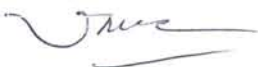
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	377.866.557.509	1.512.979.974.150	1.422.867.236.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	138.089.673	2.333.681.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		377.866.557.509	1.512.841.884.477	1.420.533.555.045
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	343.147.612.021	1.394.846.255.632	1.296.529.375.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.718.945.488	117.995.628.845	124.004.179.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.632.071.313	23.907.979.569	29.087.431.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.684.634.284	15.807.334.486	27.029.904.365
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.496.344.920	18.020.993.055	6.996.379.467
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	52.391.303.458	309.471.368.389	55.980.586.985
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.190.059.001	42.932.318.544	38.891.976.946
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.465.908.954	69.363.440.159	70.792.720.981
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.401.718.020	323.271.883.614	72.357.595.584
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.711.958.191	3.655.789.294	3.216.748.492
13. Chi phí khác	32	VI.9	10.337.148.299	13.966.329.009	673.201.166
14. Lợi nhuận khác	40		(8.625.190.108)	(10.310.539.715)	2.543.547.326
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.776.527.912	312.961.343.899	74.901.142.910
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	2.219.410.857	3.819.235.968	1.946.066.613
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		715.522.379	715.522.379	(31.813.751)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.841.594.676	308.426.585.552	72.986.890.048
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		51.075.019.837	302.154.404.759	62.778.811.778
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.766.574.839	6.272.180.793	10.208.078.270
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	405	2.404	477
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	405	2.404	477



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		312.961.343.899	74.901.142.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	16.078.102.446	18.293.770.045
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.6;	5.906.240.765	5.111.676.707
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	818.545.551	366.557.530
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(330.240.780.352)	(69.419.537.466)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	18.020.993.055	6.996.379.467
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(9.370.922.663)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.731.963.834	26.879.066.530
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56.950.104.201	(24.287.103.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.559.982.359)	53.663.642.893
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(53.219.445.506)	(2.408.361.988)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(165.816.663)	5.886.583.385
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(18.030.011.286)	(6.918.089.302)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.674.166.111)	(1.866.200.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.621.959.826	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22; VII	(15.862.161.506)	(129.022.540.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(63.207.555.570)	(78.073.003.078)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12	(565.421.830.283)	(4.395.662.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(5.660.257.128)	191.763.963
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.898.045.109)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		153.415.322.779	4.946.680.060
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	22.801.394.741
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	58.188.290.709	26.527.665.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(435.376.519.032)	50.071.842.310

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

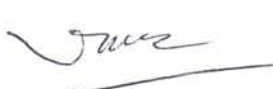
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Quý 4 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		267.132.656	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(1.845.450.000)	(50.500.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	1.295.588.722.834	470.058.136.344
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(967.449.416.521)	(590.883.699.609)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20; V.23	(6.700.667.781)	(8.822.381.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		319.860.321.188	(129.698.445.065)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(178.723.753.414)	(157.699.605.833)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	248.273.167.947	406.016.681.310
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.960.546	(43.907.530)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	69.578.375.079	248.273.167.947

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017


 Vũ Thị Hồng Gấm
 Người lập biểu


 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Nuôi trồng thủy sản (cá tầm thương phẩm) tiêu thụ nội địa; Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2016

Lãi hoạt động kinh doanh kỳ này chủ yếu là từ lãi trọng công ty liên doanh, liên kết.

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2016 này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội,	Chế biến thực phẩm	59,34%	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	Chế biến thực phẩm	50,78%	50,78%	50,78%	50,78%
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	62,37%	62,37%	62,37%	62,37%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2016 theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Thiết kế, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh máy móc thiết bị	46,36%	46,36%	46,36%	46,36%
Công ty Cổ phần Đông sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	26,01%	26,01%	26,01%	26,01%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	Nuôi trồng thủy sản	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	23,70%	24,90%	23,70%	24,90%
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	Chế biến thủy sản	27,75%	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, phường 09, quận 08, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	26,90%	26,90%	26,90%	26,90%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	Chế biến thủy sản	36,40%	43,68%	36,40%	43,68%
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn gia súc	22,08%	22,08%	22,08%	22,08%

6d. Công ty liên doanh không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga, địa chỉ trụ sở chính tại đường Trần Nãi, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh với tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết là 50% đã hết thời hạn Hợp đồng liên doanh và Giấy phép đầu tư từ năm 2006 nên không đưa vào hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu của kỳ trước từ ngày 17/04/2015 đến 31/12/2015 (khi bắt đầu cổ phần hoá).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính cuối niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê kho, thuê mặt hồ, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tổng Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02- 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nêu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tổng Công ty. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại do cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tổng Công ty tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	669.765.099	717.092.924
Tiền gửi ngân hàng	56.661.841.227	27.478.870.169
Các khoản tương đương tiền (*)	12.246.768.753	220.077.204.854
Cộng	<u>69.578.375.079</u>	<u>248.273.167.947</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 1.787.309.553 VND (số đầu năm là 0 VND) bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	9.700.360.000	2.329.258.400	(7.371.101.600)	9.700.360.000	2.154.982.567	(7.545.377.433)
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	2.257.388.143	2.779.029.000	-	2.257.388.143	3.458.347.200	-
Cộng	11.957.748.143	5.108.287.400	(7.371.101.600)	11.957.748.143	5.613.329.767	(7.545.377.433)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: trong năm tăng thêm 78.157 cổ phiếu (tại ngày 01/01/2016 sở hữu 509.051 cổ phiếu, tại ngày 31/12/2016 sở hữu 587.208 cổ phiếu) do được chia cổ tức bằng cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam: không thay đổi số lượng cổ phiếu.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	45.999.059.076	45.999.059.076	123.096.797.670	123.096.797.670
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	2.899.520.000	2.899.520.000	2.720.000.000	2.720.000.000
Cộng	48.898.579.076	48.898.579.076	125.816.797.670	125.816.797.670

Tổng Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.

Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền gửi này bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	4.994.824.935	-	4.994.824.935
Công ty Cổ phần	1.300.500.000			1.300.500.000	1.784.663.040	3.085.163.040

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Đóng sửa tàu Nhà Bè		1.654.613.040	2.955.113.040			
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	6.930.000.000	3.202.599.586	10.132.599.586	6.930.000.000	3.175.747.739	10.105.747.739
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	19.470.000.000	(19.470.000.000)	-	19.470.000.000	(19.470.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	13.873.600.000	17.567.492.462	31.441.092.462	13.873.600.000	19.665.057.669	33.538.657.669
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	6.400.000.000	818.381.736	7.177.752.554	6.400.000.000	890.861.090	7.290.861.090
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	43.470.000.000	30.867.416.500	74.337.416.500	43.470.000.000	31.492.293.497	74.962.293.497
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	43.675.380.000	6.787.276.883	50.462.656.883	43.675.380.000	9.477.005.167	53.152.385.167
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	546.897.499.662	417.321.511.367	964.219.011.029	546.897.499.662	143.497.193.546	690.394.693.208
Cộng	687.011.804.597	458.749.291.574	1.145.720.466.989	687.011.804.597	190.512.821.748	877.524.626.345

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga tạm thời ngưng hoạt động. Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung <i>Nhận cổ tức</i>	3.494.030.400	4.374.030.400
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè <i>Nhận cổ tức</i>	130.050.000	104.040.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long <i>Nhận cổ tức</i>	234.200.000	256.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 <i>Nhận cổ tức</i>	2.608.200.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long <i>Nhận cổ tức</i>	2.081.040.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 <i>Nhận cổ tức</i>	554.400.000	-
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco <i>Nhận cổ tức</i>	30.052.749.880	6.989.011.600

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh	53.249.400.000	-	53.249.400.000	(8.407.800.000)
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358	-	26.220.102.358	-
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	23.144.531.354	(3.593.313.360)	23.144.531.354	(220.877.579)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	22.522.500.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam	6.505.488.945	-	6.505.488.945	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển nhà	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị hàng hải - Mecom	1.307.080.395	-	1.307.080.395	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản	1.254.969.616	-	1.254.969.616	-
Công ty Cổ phần Vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542	(79.178.214)	995.940.542	(79.178.214)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	553.333.272	(341.455.303)	553.333.272	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Biển Tây	455.000.000	(455.000.000)	455.000.000	(455.000.000)
Công ty Cổ phần Bao bì thủy sản	148.403.919	-	148.403.919	-
Cộng	138.356.750.401	(6.468.946.877)	138.356.750.401	(11.162.855.793)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	11.162.855.793
Trích lập dự phòng bổ sung	9.391.815.474
Hoàn nhập dự phòng	(14.085.724.390)
Số cuối kỳ	6.468.946.877

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Tuấn Võ	-	62.394.262.831
Công ty TNHH TM Hà Đô	8.069.965.888	45.283.743.391
Cty TNHH TM XNK NAMWIN	8.993.051.871	-
Ông Trần Xuân Sinh	1.978.518.000	7.672.517.950
Công ty TNHH Vạn Lợi	901.103.097	
Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành	24.716.316.875	
Binca Seafoods	11.254.018.183	
GLOBALIM	2.079.955.600	
Bischofberger	4.740.143.485	
G.Bianchi AG	6.967.962.540	
DKSH	6.512.912.945	
Matsuda	4.147.304.700	
Loung Sing Fung	4.125.604.606	

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Các khách hàng khác	30.731.689.667		38.975.711.356	
Cộng	115.218.547.457		154.326.235.528	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>				
Công ty TNHH thương mại Hải Hoà Phát	-		610.830.342	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	3.387.500.000		-	
Cty CP Seatecco	6.352.500.000			
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Long Quỳnh	-		1.118.000.000	
Các nhà cung cấp khác	5.141.724.867		4.977.788.968	
Cộng	14.881.724.867		6.706.619.310	
5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
	1.743.632.741	(1.743.632.741)	3.247.352.741	-
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản - Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.743.632.741	(1.743.632.741)	2.043.632.741	-
Công ty cổ phần thủy sản số 5 - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	693.000.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật công trình Việt Nam - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	510.720.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	17.673.200.823	(2.391.881.868)	13.860.254.267	(70.000.000)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	338.779.699	-	3.067.747.756	-
DNTN thương mại Tân Vạn Phát - Phải thu tiền lãi	1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Năm Vàng - Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh	525.747.790	(368.023.453)	525.747.790	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	257.431.686	-	289.081.321	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	856.045.000	-	634.860.865	-
Ký cược, ký quỹ	11.845.841.392	-	4.774.128.700	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.140.714.461	(502.669.620)	3.047.499.040	(70.000.000)
Cộng	19.229.381.564	(4.135.514.609)	17.107.607.008	(70.000.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Bình Minh					
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	150.000.000	75.000.000	<i>Từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	240.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng					
<i>Phải thu khác</i>	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	525.747.790	157.724.337	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	525.747.790
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản					
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	1.743.632.741	-	<i>Trên 03 năm</i>	2.043.632.741
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát					
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	1.739.455.300	-	<i>Trên 03 năm</i>	2.732.870.941
<i>Phải thu khác</i>	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.521.188.795	-	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.521.188.795
Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn					
<i>Phải thu tiền hàng gửi kho bị mất</i>	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	13.097.174.101	2.099.983.500	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	13.097.174.101
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		2.555.424.372	242.455.436		3.110.633.442
Cộng		21.332.623.099	2.575.163.273		23.271.247.810
					11.194.322.966

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	12.076.924.844
Trích lập dự phòng bổ sung	8.142.586.368
Hoàn nhập dự phòng	(1.462.051.386)
Số cuối kỳ	18.757.459.826

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HĐGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Tổng Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tổng Công ty mới trích lập được một phần dự phòng tổn thất cho lô thép này.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	11.156.185.242	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.916.827.766	(83.261.714)	4.400.196.811	(91.435.818)
Công cụ, dụng cụ	2.541.519.644	(130.000)	2.640.036.946	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.470.302.197	-	18.103.670.961	-
Thành phẩm	92.601.252.810	(2.293.167.095)	97.288.604.896	(10.462.524.723)
Hàng hóa	65.958.111.406	(5.727.176.005)	45.427.020.821	(5.879.195.613)
Hàng gửi đi bán	7.994.050	-	1.232.680.321	-
Cộng	213.652.193.115	(8.103.734.814)	169.092.210.756	(16.433.156.154)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	6.909.092	71.841.814
Thuê nhà kho, mặt hồ	-	74.700.000
Chi phí sửa chữa	140.003.330	4.480.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	676.405.390	103.742.445
Cộng	823.317.812	254.764.259

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	83.436.728	603.365.171
Chi phí sửa chữa	209.208.541	1.299.201.681
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.349.205.242	142.020.549
Cộng	1.641.850.511	2.044.587.401

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	203.799.442.389	91.018.897.812	22.723.128.562	1.222.668.807	318.764.137.570
Mua trong kỳ	165.899.777	1.641.639.091	818.180.454	-	2.625.719.322
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.938.274.318	-	-	-	3.938.274.318
Thanh lý, nhượng bán	(3.422.883.098)	(4.571.895.129)	(3.537.001.432)	-	(11.531.779.659)
Số cuối kỳ	204.480.733.386	88.088.641.774	20.004.307.584	1.222.668.807	313.796.351.551
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	31.635.163.737	52.370.828.089	11.965.355.597	739.700.690	96.711.048.113
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	125.865.747.015	76.418.269.905	18.674.146.316	1.009.775.729	221.967.938.965
Khấu hao trong kỳ	8.551.096.981	3.863.936.818	2.514.110.931	96.303.191	15.025.447.921
Thanh lý, nhượng bán	(5.402.964.903)	(4.523.383.963)	(4.287.445.257)	-	(14.213.794.123)
Số cuối kỳ	129.013.879.093	75.758.822.760	16.900.811.990	1.106.078.920	222.779.592.763
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	77.933.695.374	14.600.627.907	4.048.982.246	212.893.078	96.796.198.605
Số cuối kỳ	75.466.854.293	12.329.819.014	3.103.495.594	116.589.887	91.016.758.788
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	31.087.254.631	1.321.260.881	32.408.515.512
Mua trong kỳ	1.607.977.613	-	1.607.977.613
Số cuối kỳ	32.695.232.244	1.321.260.881	34.016.493.125
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	105.343.236	239.026.800	344.370.036
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.540.004.487	682.474.692	3.222.479.179
Khấu hao trong kỳ	913.088.634	165.940.895	1.079.029.529
Số cuối kỳ	3.453.093.121	848.415.587	4.301.508.708
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.547.250.144	638.786.189	29.186.036.333
Số cuối kỳ	29.242.139.123	472.845.294	29.714.984.417
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	6.404.000	(6.404.000)	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.573.896.871	561.095.673.869	-	(287.658.132)	562.381.912.608
- Quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (*)		560.689.379.996			560.689.379.996
- Công trình khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.	229.453.856	-		-	229.453.856
- Dự án số 02 Ngô Gia Tự, Hà Nội	109.694.182	-		-	109.694.182
- Công trình xây dựng nhà máy thủy sản tại Đầm Cưng	681.248.162	-		-	681.248.162
- Công trình xây dựng đường vào Công ty	185.135.950	-		(185.135.950)	-
- Công trình xây dựng kho vật tư	102.522.182	-		(102.522.182)	-
- Hệ xe triển 6500 tấn vật cách	265.842.539	-		-	265.842.539

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Công trình khác	-	406.293.873		-	406.293.873
Sửa chữa lớn tài sản cố định	23.103.050	286.105.000		(154.553.050)	154.655.000
Cộng	1.603.403.921	561.375.374.869		(442.211.182)	562.536.567.608

(*) Tiền mua cơ sở nhà đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin An Phát	-	2.384.167.500
Công ty TNHH Liên	693.750.230	159.594.764
LG International PTE	-	4.401.024.935
ITOCHU Corporation	-	3.963.072.960
Công ty TNHH MTV Mai Linh NH	1.121.870.050	821.166.955
Công ty TNHH Gia Huy Năm Căn	653.954.290	-
Công ty TNHH máy xây dựng và thương mại Việt Nhật	4.950.000.000	-
Cty TNHH MTV Mê Kông Ánh Dương	1.191.485.400	
Trần Văn Trung	2.030.285.000	
Cty TNHH ĐT PT Quốc tế Thượng Hải	1.707.425.161	
DNTN Thanh An	3.279.937.375	
Các nhà cung cấp khác	7.837.665.384	8.380.533.861
Cộng	23.466.372.890	20.109.560.975

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Hoàng Tứ	-	1.680.374.700
Công ty TNHH công nghiệp thương mại Thái Sơn	-	4.199.967.000
Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà	4.712.053.819	2.928.853.819
Công ty TNHH Vạn lợi	646.966.125	-
Primex International Trading Corporation	-	1.434.438.720
Ông Nguyễn Văn Lòng	11.369.901.750	
Các khách hàng khác	5.447.171.539	2.540.745.664
Cộng	<u>22.176.093.233</u>	<u>12.784.379.903</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	317.419.139	94.329.079	2.889.749.253	(2.721.650.288)	391.189.025	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	30.276.633.267	(30.276.633.267)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.140.341.000	9.446.391.656	12.627.658.531	(2.036.197.018)	2.285.410.857	-
Thuế thu nhập cá nhân	184.691.492	16.391.160	3.461.497.120	(2.368.710.367)	1.277.478.245	12.332.630
Tiền thuê đất	12.272.010.189	-	11.988.311.452	(11.441.021.852)	12.819.299.789	-
Thuế nhà đất	-	-	57.908.621	(37.947.381)	19.961.240	-
Thuế tài nguyên	1.875.860	-	45.360.188	(43.228.512)	4.007.536	-
Các loại thuế khác	1.498.707.732	-	281.524.617	(234.746.182)	1.545.486.167	-
Cộng	<u>15.415.045.412</u>	<u>9.557.111.895</u>	<u>61.628.643.049</u>	<u>(49.160.134.867)</u>	<u>18.342.832.859</u>	<u>12.332.630</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cá tầm	Không chịu thuế
- Đóng tàu cá	Không chịu thuế
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm tôm tiêu thụ nội địa	Không phải kê khai, tính thuế

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hàng xuất khẩu	0%
- Đóng tàu sông	10%
- Bán dầu nhờn trong nước	10%
- Cho thuê địa điểm	10%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các công ty còn lại trong Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000614 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đối với diện tích mặt nước thuê để nuôi cá tầm thương phẩm và diện tích đất thuê để sử dụng vào mục đích khác.

Tiền thuê đất khác được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tiền thuê đất	24.799.714.897	24.280.347.217
Chi phí lãi vay phải trả	10.345.477.487	1.607.003.728
Chi phí đóng tàu	314.087.309	2.609.370.400
Chi phí người đại diện vốn	144.509.615	128.528.846
Chi phí tư vấn và hoa hồng	239.402.497	231.538.338
Chi phí dự án tôm sinh thái	-	304.260.970
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	270.267.057	640.457.916
Cộng	<u>36.113.458.862</u>	<u>29.801.507.415</u>

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê mặt bằng, kho chứa hàng.

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	143.858.722	306.291.731
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	84.821.348	100.780.922
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước - Phải trả vốn kinh doanh	-	61.682.188.540
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	71.394.789	71.394.789
Tiền thuế thu nhập cá nhân hoàn trả người lao động	59.156.355	110.957.200
Tiền lương giai đoạn cổ phần chưa chi	-	4.396.858.180
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Cổ tức phải trả	2.818.497.316	2.325.559.916
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Tuấn Võ - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	-	-
Công ty Cổ phần KCC Thăng Long - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	-	400.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	-	1.750.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Tin học Ngọc Vĩnh - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	-	1.139.519.000
Phải trả tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng	-	721.800.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.446.179.761	4.588.500.585
Cộng	9.941.584.758	77.911.527.330
20b. Phải trả dài hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Miền Trung – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	14.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.400.429.000	8.086.403.000
Cộng	16.400.429.000	8.100.403.000
20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.556.715.000	97.241.503.687
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công ⁽ⁱ⁾	11.573.495.000	24.784.073.784
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	-	25.518.739.903
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	58.127.250.000	42.429.690.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau ^(iv)	29.975.425.000	4.509.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	36.600.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vi)	9.482.720.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)	797.825.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	280.000.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 ^(viii)	280.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	245.662.000
Cộng	426.556.715.000	97.532.165.687

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành Công để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh chế biến, xuất khẩu tôm đông lạnh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn vay 11 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến tôm xuất khẩu với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu với giá trị là 50 tỷ VND.
- (vii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Dầu khí và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (viii) Vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số cổ phần tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (xem thuyết minh số V.2)

Tổng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	598.714.856	-	-	(26.703.469)	572.011.387
Quỹ khen thưởng	342.184.066	2.131.813.783	(884.466.835)	-	1.589.531.014
Quỹ phúc lợi	135.883.109	1.005.368.119	(766.294.176)	-	374.957.052
Cộng	1.076.782.031	3.137.181.902	(1.650.761.011)	(26.703.469)	2.536.499.453

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	792.280.000.000	792.280.000.000
Các cổ đông khác	457.720.000.000	457.720.000.000
Cộng	<u>1.250.000.000.000</u>	<u>1.250.000.000.000</u>

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.500	5.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500	5.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.990.500	124.995.000
- Cổ phiếu phổ thông	124.990.500	124.995.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tổng Công ty. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tổng Công ty tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Tình hình biến động chênh lệch đánh giá lại tài sản được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Nợ khó đòi đã xử lý*

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	
Công ty TNHH Việt Thái Phong		929.126.000		929.126.000	Quá hạn thanh toán
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt		47.914.627		47.914.627	Quá hạn thanh toán
Lê Xuân Hòa		20.786.500		20.786.500	Quá hạn thanh toán
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận		41.000.000		41.000.000	Quá hạn thanh toán

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Lê Thanh Tùng		17.677.749		17.677.749	Quá hạn thanh toán
Nguyễn Công Thành		8.801.500		8.801.500	Quá hạn thanh toán
Hồ Thị Vân		1.000.000		1.000.000	Quá hạn thanh toán
Cty TNHH TM Hải Hoà Phát		610.830.342		-	Quá hạn thanh toán
Cty TNHH CBKDHS Dương Hà		187.452.000			Quá hạn thanh toán
Nộp thuế XNK 2 lần tại Hải quan TP. HCM		6.231.565		6.231.565	Quá hạn thanh toán
Cộng		1.870.820.283		1.072.537.941	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ		
	Quý IV/2016	Năm này	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	70.945.494.745	452.977.249.233	514.765.382.745
Doanh thu bán thành phẩm	291.384.587.412	979.224.656.962	850.871.936.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.536.475.352	80.778.067.955	57.229.917.858
Cộng	377.866.557.509	1.512.979.974.150	1.422.867.236.895

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ		
	Quý IV/2016	Năm này	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	-	2.309.832.650
Giảm giá hàng bán	-	138.089.673	23.849.200
Cộng	-	138.089.673	2.333.681.850

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ		
	Quý IV/2016	Năm này	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	65.374.918.433	432.730.250.369	501.903.089.611
Giá vốn của thành phẩm đã bán	271.085.658.224	927.555.831.018	772.198.692.645
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.687.035.364	34.560.174.245	22.427.592.963
Cộng	343.147.612.021	1.394.846.255.632	1.296.529.375.219

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm này	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.757.976.713	9.278.072.478	16.783.804.923
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.401.575	204.542.549	74.911.166
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.323.768.100	10.669.684.400	3.176.618.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.478.582.638	3.466.782.818	3.813.611.207
Lãi bán hàng trả chậm	59.342.287	288.897.324	2.895.745.060
Doanh thu tài chính khác	-	-	2.342.740.609
Cộng	6.632.071.313	23.907.979.569	29.087.431.065

5. Chi phí tài chính

	Quý IV/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm này	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.496.344.920	18.020.993.055	6.996.379.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	455.707.812	1.005.427.832	6.911.255.121
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.852.200.223)	(4.868.184.749)	10.728.389.426
Chi phí tài chính khác	1.584.781.775	1.649.098.348	2.393.880.351
Cộng	2.684.634.284	15.807.334.486	27.029.904.365

6. Chi phí bán hàng

	Quý IV/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm này	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.061.984.823	12.516.191.501	8.403.885.732
Chi phí vật liệu, bao bì	117.619.890	320.496.626	471.844.003
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	65.398.205	217.943.978	204.720.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.185.119	511.906.144	771.347.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.700.802.370	20.299.222.479	14.430.664.075
Các chi phí khác	2.146.068.594	9.066.557.816	14.609.515.625
Cộng	9.190.059.001	42.932.318.544	38.891.976.946

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm này	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.022.176.820	32.203.385.127	32.122.636.303
Chi phí vật liệu quản lý	191.898.272	673.330.676	2.552.935.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	345.960.269	1.263.262.235	2.877.884.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.528.428	3.472.862.966	3.702.905.995
Thuế, phí và lệ phí	2.720.834.518	9.546.446.952	10.542.831.258
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	200.873.460	2.820.415.407	3.396.801.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.009.870.915	4.802.442.254	7.117.469.704
Các chi phí khác	5.150.766.272	14.581.294.542	8.479.256.245
Cộng	16.465.908.954	69.363.440.159	70.792.720.981

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ		
	Quý IV/2016	Năm này	Năm trước
Thu thanh lý TSCĐ	1.479.200.000	1.676.927.272	191.763.963
Thu bán phế liệu	136.440.728	216.440.728	99.432.044
Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn	270.290.140	1.253.799.474	1.145.042.422
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	135.000.000	50.047.396
Thu phí vệ sinh, tiền điện	32.964.088	134.955.598	111.925.282
Thu nhập từ dịch vụ trông xe	63.915.528	158.647.250	119.389.468
Thu nhượng bán cải tạo sản phẩm đầu vỏ tôm	-	-	72.727.273
Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản	273.954.546	273.954.546	449.103.717
Các khoản thu nhập khác	36.418	340.907.683	977.316.927
Cộng	2.246.801.448	4.190.632.551	3.216.748.492

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ		
	Quý IV/2016	Năm này	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	965.017.976	1.134.915.733	-
Chi phí người đại diện vốn	295.875.000	627.230.770	541.413.462
Thuế bị truy thu, bị phạt	9.551.181.540	12.512.710.627	34.872.743
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	43.877.874	87.755.748	65.816.811
Chi phí khác	16.039.166	138.559.388	31.098.150
Cộng	10.871.991.556	14.501.172.266	673.201.166

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	302.075.675.899	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.583.055.563)	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(85.050.000)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	300.407.570.336	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	124.990.405	-
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.403	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong kỳ, Tổng Công ty đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước phần lợi nhuận còn lại của giai đoạn trước cổ phần và phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ là 61.383.103.392 VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng tiền lương trong năm là 1.987.044.925 VND (cùng kỳ năm trước là 2.028.000.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Tổng Công ty không phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.20.

2. Số liệu so sánh

Thay đổi giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết

Tháng 11 năm 2015 Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco tái cấu trúc vốn nên tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty tăng từ 17,47% lên 22,08% và trở thành công ty liên kết. Năm 2015 Tổng Công ty chỉ ghi nhận “Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết” phát sinh tương ứng lợi nhuận sau thuế tháng 11 và tháng 12 của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco.

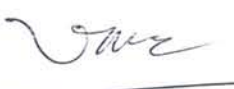
Năm nay Tổng Công ty ghi nhận tăng thêm giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tương ứng tài sản thuần của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco tại thời điểm chuyển đổi thành công ty liên kết. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	141	781.775.464.567	95.749.161.778	877.524.626.345
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	123.151.196.178	95.749.161.778	218.900.357.956

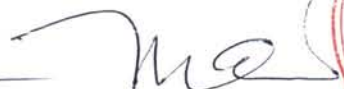
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

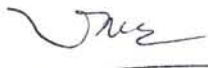
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Điều chỉnh (*)	Giá trị phần sở hữu đầu năm sau điều chỉnh	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức lợi nhuận được chia trong kỳ	Trích quỹ	Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	-	-	-	-	4.994.824.935
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	3.085.163.040	-	3.085.163.040	-	(130.050.000)	-	-	2.955.113.040
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	10.105.747.739	-	10.105.747.739	675.631.851	(554.400.000)	(54.380.004)	-	10.132.599.586
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	33.538.657.669	-	33.538.657.669	173.879.352	(2.081.040.000)	(150.404.559)	-	31.441.092.462
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.290.861.090	-	7.290.861.090	121.091.464	(234.200.000)	-	-	7.177.752.554
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	74.962.293.497	-	74.962.293.497	1.983.323.003	(2.608.200.000)	-	-	74.337.416.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	53.152.385.167	-	53.152.385.167	2.640.375.018	(3.494.030.400)	(243.843.266)	(1.592.229.636)	50.462.656.883
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	594.645.531.430	95.749.161.778	690.394.693.208	303.877.067.701	(30.052.749.880)	-	-	964.219.011.029
Cộng	781.775.464.567	95.749.161.778	877.524.626.345	309.471.368.389	(39.154.670.280)	(528.627.829)	(1.592.229.636)	1.145.720.466.989

(*) Điều chỉnh khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý khoản khoản đầu tư và tài sản thuần (lãi do mua rẻ) tại thời điểm chuyển thành công ty liên kết.



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

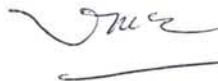
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước (*)	1.250.000.000.000	167.068.599	-	3.496.938.397	18.466.141.983	52.395.879.004	158.349.802.139	1.482.875.830.122
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm trước	-	-	(50.500.000)	-	-	-	-	(50.500.000)
Thoái vốn công ty con trong năm trước	-	28.239.637	-	(8.250.000.000)	(6.048.993.795)	8.250.000.000	(58.031.634.160)	(64.052.388.318)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	62.778.811.778	10.208.078.270	72.986.890.048
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(1.829.700.000)	(1.829.700.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(761.678.772)	(688.157.752)	(1.449.836.524)
Xử lý lỗ do hợp tác với Công ty TNHH vận tải biển Tự Thành (Tàu Tự Thành 68)	-	-	-	-	(1.157.237.316)	-	-	(1.157.237.316)
Tặng/ Giảm khác	-	-	-	(162.402.157)	-	488.184.168	228.373.543	554.155.554
Số dư cuối năm trước	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	123.151.196.178	108.236.762.040	1.487.877.213.566
Số dư đầu năm nay	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	123.151.196.178	108.236.762.040	1.487.877.213.566
Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán	-	-	-	-	-	95.749.161.778	-	95.749.161.778
Số dư đầu năm nay được trình bày lại trong năm nay	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	218.900.357.956	108.236.762.040	1.583.626.375.344
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay	-	-	(45.450.000)	-	-	-	-	(45.450.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	302.154.404.759	6.272.180.793	308.426.585.552
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước hoạt động liên kết	-	-	-	-	-	(674.510.122)	674.510.122	-
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(7.194.144.177)	(7.194.144.177)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	1.762.594.551	(3.637.171.939)	(1.483.417.245)	(3.357.994.633)
Điều chỉnh giảm lãi liên kết do trích quỹ	-	-	-	-	-	(2.120.857.465)	-	(2.120.857.465)
Chi thù lao	-	-	-	-	-	(170.100.000)	(76.230.844)	(246.330.844)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(41.673.644)	-	(41.673.644)
Số dư cuối kỳ	1.250.000.000.000	195.308.236	(95.950.000)	(4.915.463.760)	13.022.505.423	514.410.443.545	106.429.660.688	1.879.046.510.132

(*) Số dư đầu năm trước là số nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang tại ngày 17 tháng 4 năm 2015



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017


Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc